

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2025
v/v ly hôn giữa anh Trần Văn Duyệt và
chị Nguyễn Thị Minh Phương

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Lưu Xuân Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 20 tháng 4 năm 2025, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Minh P tự nguyện kết hôn ngày 17 tháng 01 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, anh và chị P chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là quan điểm sống vợ chồng không hợp, chị P đưa con trai bỏ về nhà ngoại ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định và vợ chồng chị ly thân nhau từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị Minh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức T, sinh ngày 28-10-1998. Hiện con chung đã trưởng thành tự lập và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Trần Văn D xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị P không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng không tham gia phiên tòa nên chị P không có quan điểm để giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 27-4-2025 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, chính quyền địa phương cung cấp: chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1977 là vợ của anh Trần Văn D, sinh năm 1970, chị P và anh D đã đăng ký kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống anh D và chị P đã ly thân nhau nhiều năm nay, không đoàn tụ lại. Quá trình chung sống, chị P và anh D có 01 con chung Trần Đức T, sinh ngày 28-10-1998, cháu Trần Đức T đã trưởng thành, tự lập và có gia đình riêng. Hiện nay chị P thường xuyên sinh sống tại thôn D xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, chị P làm công nhân, ban ngày chị P đi làm, tối vẫn về nhà tại nơi cư trú trên. Nay anh D có đơn xin ly hôn chị P thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên toà đều đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Minh P; Về án phí: Anh Trần Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn D là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Minh P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Minh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 01 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên hôn nhân giữa anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Minh P là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo anh D quan điểm sống của vợ chồng không hợp nên có xảy ra mâu thuẫn, chị P đưa con trai về nhà bố mẹ đẻ ở xóm D xã N, huyện N, tỉnh Nam Định và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa.

Nay anh D xác định không còn tình cảm với chị P và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Minh P mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Minh P theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức T, sinh ngày 28-10-1998. Hiện con chung đã trưởng thành tự lập và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Trần Văn D xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh Trần Văn D là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Minh P.
2. Về án phí: Anh Trần Văn D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Trần Văn D đã nộp tại biên lai số 0005335 ngày 22-4-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Anh Trần Văn D đã nộp đủ.
3. Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Minh P có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì anh Trần Văn D, chị Nguyễn Thị Minh P có quyền thỏa

4

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã Nam Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Phương Thảo